BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
*****

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH NÂNG CAO 2

Số tín chỉ: 03
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm 2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
KHOA: DU LỊCH VÀ NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

1. Tên học phần: Tiếng Anh nâng cao 2

2. Mã học phần: TANH 033

3. Số tín chỉ: 03 (3,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba.

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 45 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã được học học phần Tiếng Anh nâng cao 1.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	luongnn78@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	trang.phamhuyen88@gmail.com
5	ThS. Trần Hoàng Yến	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	huongtrakhanhhung@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tiếng Anh 5 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Từ vựng: Các nhóm từ sử dụng để giao tiếp trong các tình huống thực tế ở trường học, một số địa điểm công cộng như khi mua sắm, thuê nhà, di chuyển bằng máy bay, tàu, xe…, đi du lịch, giao dịch ngân hàng, bưu điện, khám bệnh, thảo luận, thuyết trình.

- Ngữ pháp: Các cấu trúc câu giao tiếp cơ bản, một số kiến thức về ngữ âm, âm điệu khi giao tiếp để diễn đạt đúng mục đích hội thoại cũng như thể hiện đúng, sát với phong cách giao tiếp bản địa. Kết thúc học phần sinh viên có một vốn từ vựng phong phú và một vốn kiến thức cơ bản để giao tiếp trong các tình huống thực tế của cuộc sống.

- Kỹ năng: Tập trung luyện bốn kỹ năng giao tiếp, đặc biệt là nghe, nói một cách thành thạo, giúp sinh viên mở rộng vốn kiến thức, kỹ năng với các tình huống đa dạng, gần với thực tế cuộc sống, công việc.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu của CTĐT
MT1	**Kiến thức**		
MT1.1	Trình bày được từ vựng thuộc các chủ điểm về cuộc sống, công việc hàng ngày, ở trường học, một số địa điểm công cộng như khi mua sắm, thuê nhà, di chuyển bằng máy bay, tàu, xe, đi du lịch, giao dịch ngân hàng, bưu điện, khám bệnh, thảo luận, thuyết trình.	2	[1.2.1.1b]
MT1.2	Xác định được cấu trúc giao tiếp phù hợp hoàn cảnh, cách diễn đạt tự nhiên của người bản xứ, lối phát âm khẩu ngữ theo mục đích giao tiếp.	2	[1.2.1.1b]
MT2	**Kỹ năng**		
	Giao tiếp được trong các tình huống thực tế thông thường về học tập, công việc, cuộc sống hằng ngày.	2	[1.2.2.1]
MT3	**Mức tự chủ và trách nhiệm**		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CĐR của CTĐT
CĐR1	**Kiến thức**		
CĐR1.1	Liệt kê được từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Làm quen, mua sắm, ăn uống, khám bệnh, giao dịch tại bưu điện, ngân hàng, sân bay, nhà ga, chuyển phát, đi du lịch.	1	[2.1.4]
CĐR1.2	Trình bày được các cấu trúc giao tiếp biểu đạt cảm xúc, ý kiến: Đồng ý, phản đối, từ chối, khen ngợi, đồng cảm, tiêu cực, phàn nàn, khuyên nhủ.	2	[2.1.4]

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CĐR của CTĐT
CĐR1.3	Trình bày được các cấu trúc miêu tả đồ vật, món ăn, nơi chốn, chỉ đường, sức khỏe, sở thích.	2	[2.1.4]
CĐR1.4	Nêu được một số quy tắc giao tiếp cơ bản liên quan đến văn hóa của các nước nói tiếng Anh.	2	[2.1.4]
CĐR1.5	Phân biệt được các cách sử dụng từ vựng, lối diễn đạt khác nhau giữa các nước nói tiếng Anh trong một số tình huống cụ thể.	3	[2.1.4]
CĐR2	**Kỹ năng**		
CĐR2.1	Thuyết trình về các chủ điểm trong cuộc sống hằng ngày: Bạn bè, thể thao, ăn uống, du lịch, học tập, gia đình.	3	[2.2.1]
CĐR2.2	Hội thoại được trong các tình huống giao tiếp cơ bản khi làm quen, mua sắm, ăn uống, khám bệnh, giao dịch tại bưu điện, ngân hàng, sân bay, nhà ga, chuyển phát, đi du lịch.	3	[2.2.1]
CĐR2.3	Đọc hiểu thông tin trong các văn bản sử dụng trong giao dịch, bản tin quảng cáo, thư từ, biểu đồ, báo cáo, bài báo về các chủ điểm trong cuộc sống, sinh hoạt, giao tiếp và công việc hằng ngày.	4	[2.2.1]
CĐR2.4	Viết được các văn bản thông thường như thư tín, ghi chú, chỉ dẫn, bảng biểu, tin nhắn.	4	[2.2.1]
CĐR3	**Mức tự chủ và trách nhiệm**		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	3	[2.3.1]
CĐR3.3	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương / bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần											
		CĐR1					CĐR2				CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 1.5	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	Unit 1 Greetings and goodbyes	1	2	2	2	3	3	3	4	4	3	3	3
2	Unit 2 Introductions	1	2	2	2	3	3	3	4	4	3	3	3
3	Unit 3 Small talk	1	2	2	2	3	3	3	4	4	3	3	3
4	Unit 4 Ending conversations	1	2	2	2	3	3	3	4	4	3	3	3
5	Unit 5 Ordering numbers	1	2	2	2	3	3	3	4	4	3	3	3
6	Unit 6 Figures	1	2	2	2	3	3	3	4	4	3	3	3
7	Unit 7 Dates	1	2	2	2	3	3	3	4	4	3	3	3
8	Unit 8 Time and expressions	1	2	2	2	3	3	3	4	4	3	3	3
9	Unit 9 Vacation time	1	2	2	2	3	3	3	4	4	3	3	3
10	Unit 10 Prices	1	2	2	2	3	3	3	4	4	3	3	3
11	Unit 11 Pay and benefits	1	2	2	2	3	3	3	4	4	3	3	3
12	Unit 12 Your job	1	2	2	2	3	3	3	4	4	3	3	3
13	Unit 13 Types of work	1	2	2	2	3	3	3	4	4	3	3	3
14	Unit 14 Getting to work	1	2	2	2	3	3	3	4	4	3	3	3
15	Unit 15 Skills and qualifications	1	2	2	2	3	3	3	4	4	3	3	3

11. Đánh giá học phần

11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá *(Hình thức, thời gian, thời điểm)*	Chuẩn đầu ra của học phần			Ghi chú
					CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm chuyên cần	1 điểm	20%	- Phát vấn - Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá chuyên cần	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5	CĐR2.1, CĐR2.2.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	- Trắc nghiệm kết hợp - 90 phút	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5	CĐR2.1, CĐR 2.2, CĐR2.3, CĐR2.4.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3	
3	Điểm thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	- Trắc nghiệm kết hợp - 90 phút	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5	CĐR2.1, CĐR 2.2, CĐR2.3, CĐR2.4.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3	

11.2. Cách tính điểm học phần:

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm điểm 4.

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Vở ghi, bút, từ điển.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- ***Tài liệu chính:***

[1]- John Taylor Jeff Zeter (2011), *Career Paths Business English*, Express Publishing.

- ***Tài liệu tham khảo:***

[2]- Miles Craven (2008), *Real listening and speaking 1*, Cambridge.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	**Unit 1. Greetings and goodbyes** **Mục tiêu bài:** - Trình bày được từ vựng, cấu trúc giới thiệu bản thân, trao đổi thông tin cá nhân trong lần gặp mặt đầu tiên. - Phân biệt các quy tắc xã giao theo văn hóa. - Hội thoại giao tiếp chào hỏi, tạm biệt giới thiệu thông tin cá nhân. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Get ready 1.2. Reading 1.3. Vocabulary 1.4. Listening 1.5. Speaking 1.6. Writing	3 (3LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giải thích từ vựng, cấu trúc, ngữ âm. + Giao bài tập cho cá nhân. + Giảng giải các tình huống hội thoại. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 1 trang 4-5. [2] Mục 3 trang 5, mục 1,2 trang 2, mục 1 trang 10. + Lắng nghe, ghi chép và làm bài tập cá nhân trong Unit 1 tài liệu [1]. + Giải quyết vấn đề.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
2	**Unit 2. Introduction** **Mục tiêu bài:** - Liệt kê từ vựng, cấu trúc giới thiệu nghề nghiệp, sở thích, mối quan hệ xã giao. - Nghe, phản hồi thông tin lời mời, đồng ý, từ chối một cách lịch sự. - Hội thoại giới thiệu bạn bè,	3 (3LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giải thích các cụm từ, ngữ điệu từ. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn và yêu cầu sinh viên luyện nghe, hội thoại.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	đồng nghiệp. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Get ready 2.2. Reading 2.3. Vocabulary 2.4. Listening 2.5. Speaking 2.6. Writing		+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 2 trang 6-7. [2]: Mục 1,2 trang 23, 28. + Lắng nghe, ghi chép và làm bài tập cá nhân trong Unit 2 tài liệu [1]. + Giải quyết vấn đề.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
3	**Unit 3. Small talk** **Mục tiêu bài:** - Trình bày từ vựng, cấu trúc hỏi đáp để làm rõ thông tin. - Hiểu ý nghĩa, chủ đề và cách thực hiện các hội thoại ngắn xã giao. - Hội thoại ngắn về một số chủ đề nhỏ. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Get ready 3.2. Reading 3.3. Vocabulary 3.4. Listening 3.5. Speaking 3.6. Writing	3 (3LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học sử dụng phản hồi từ bạn học.** **- Giảng viên:** + Giải thích các từ vựng, cấu trúc câu và cách sử dụng. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên hội thoại về chủ đề phong cách sống. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] Unit 3 trang 8-9; + Lắng nghe, ghi chép và làm bài tập cá nhân trong Unit 3 tài liệu [1]. + Thực hành hội thoại theo hướng dẫn.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
4	**Unit 4. Ending conversations** **Mục tiêu bài:** - Phát âm đúng các trọng âm câu, từ và cấu trúc kết thúc hội thoại. - Nghe, nhận biết giọng điệu, hàm ý của nhân vật trong các tình huống giao tiếp xã giao. - Hội thoại, đóng vai một số	3 (3LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Động não; Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích từ vựng theo chủ đề, cách nhấn trọng âm, giọng điệu trong câu hỏi. + Hướng dẫn sinh viên về kỹ năng nghe phỏng vấn,	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	tình huống giao tiếp cụ thể. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Get ready 4.2. Reading 4.3. Vocabulary 4.4. Listening 4.5. Speaking 4.6. Writing **Mid-term test**		thuyết trình, thảo luận. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên luyện tập và làm việc nhóm. + Nhận xét, đánh giá. + Hướng dẫn sinh viên ôn tập. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] trang 10-11. + Lắng nghe, ghi chép và làm bài tập Unit 4 tài liệu [1]. + Làm việc nhóm. + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	CĐR3.2, CĐR3.3.
5	**Unit 5. Ordering numbers** **Mục tiêu bài:** - Trình bày từ vựng, cấu trúc miêu tả trình tự. - Phân biệt số thứ tự, số đếm và ứng dụng trong một số tinh huống thực tế. - Hội thoại tình huống hỏi-chỉ đường, phương hướng. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Get ready 5.2. Reading 5.3. Vocabulary 5.4. Listening 5.5. Speaking 5.6. Writing	3 (3LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải từ vựng, cấu trúc miêu tả trình tự. + Giao bài tập cho cá nhân. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 12-13. [2]: Mục 1 trang 86, mục 1 trang 94. + Lắng nghe, ghi chép và làm bài tập Unit 5 tài liệu [1]. + Giải quyết vấn đề.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
6	**Unit 6. Figures** **Mục tiêu bài:** - Liệt kê từ vựng, cấu trúc về chủ đề số liệu, tài chính. - Nghe hội thoại qua điện thoại, nhận biết thông tin về các số liệu tài chính.	3 (3LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích, cung cấp từ vựng về số liệu, tài chính. + Đàm thoại về cách biểu đạt sự ngạc nhiên, chia sẻ	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	- Hội thoại về các báo cáo bán hàng, thông tin thị trường. **Nội dung cụ thể:** 6.1. Get ready 6.2. Reading 6.3. Vocabulary 6.4. Listening 6.5. Speaking 6.6. Writing		thông tin. + Giao bài tập cho cá nhân và theo nhóm. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 14-15. [2]: Mục 1-2 trang 108. + Lắng nghe, ghi chép và làm bài tập Unit 6 tài liệu [1].	CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
7	**Unit 7. Dates** **Mục tiêu bài:** - Trình bày từ vựng, cấu trúc nói ngày, tháng, năm. - Nghe, nhận biết các thông tin về ngày, tháng. - Hội thoại về lịch trình, thời gian biểu, kế hoạch. **Nội dung cụ thể:** 7.1. Get ready 7.2. Reading 7.3. Vocabulary 7.4. Listening 7.5. Speaking 7.6. Writing	3 (3LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học sử dụng phản hồi từ bạn học; Động não.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các cấu trúc, từ vựng thuộc chủ đề ngày, tháng, năm. + Đàm thoại về lịch trình, thời gian biểu, kế hoạch. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên luyện các dạng hội thoại. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] trang 16-17. + Lắng nghe, ghi chép và luyện tập tài liệu [1].	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
8	**Unit 8. Time and expressions** **Mục tiêu bài:** - Nghe tin tức và trình bày cấu trúc, từ vựng chủ đề thời gian, giờ giấc. - Tóm tắt thông tin, sự kiện, lịch trình. **Nội dung cụ thể:** 8.1. Get ready	3 (1LT, 0TH, 2KT)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giải thích từ vựng thuộc chủ đề thời gian, giờ giấc. + Hướng dẫn sinh viên về kỹ năng phát âm đúng trọng âm động từ, thể hiện giọng điệu trong các tình huống biểu đạt cảm xúc mạnh, tóm	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	8.2. Reading 8.3. Vocabulary 8.4. Listening 8.5. Speaking 8.6. Writing **- Kiểm tra giữa học phần**		tắt thông tin, nêu dẫn chứng. + Giao bài tập cho cá nhân. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] trang 18-19. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1]. + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	CĐR3.3.
9	**Unit 9. Vacation time** **Mục tiêu bài:** - Liệt kê từ vựng chủ đề kỳ nghỉ, lễ hội, du lịch. - Viết được đơn xin nghi lễ theo mẫu. - Hội thoại tình huống giao tiếp hỏi-đáp về chính sách nghỉ lễ, du lịch của cơ quan và các dự định du lịch cá nhân. **Nội dung cụ thể:** 9.1. Get ready 9.2. Reading 9.3. Vocabulary 9.4. Listening 9.5. Speaking 9.6. Writing	3 (3LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giải thích từ vựng thuộc chủ đề kỳ nghỉ, lễ hội, du lịch. + Hướng dẫn sinh viên về tình huống giao tiếp hỏi-đáp về chính sách nghỉ lễ, du lịch của cơ quan và các dự định du lịch cá nhân. + Giao bài tập cho cá nhân. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] trang 20-21. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1].	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
10	**Unit 10. Prices** **Mục tiêu bài:** - Trình bày được cách đọc giá	3 (3LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:**	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	tiền bằng tiếng Anh. - Phát âm đúng các từ liên quan đến chi tiêu, hóa đơn, chứng từ mua bán. - Nghe, hội thoại tình huống mua bán nội thất. **Nội dung cụ thể:** 10.1. Get ready 10.2. Reading 10.3. Vocabulary 10.4. Listening 10.5. Speaking 10.6. Writing		+ Giải thích cách đọc giá tiền bằng tiếng Anh. + Hướng dẫn sinh viên nghe, hội thoại tình huống mua bán nội thất. + Giao bài tập cho cá nhân. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] trang 22-23. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1].	CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
11	**Unit 11. Pay and benefits** **Mục tiêu bài:** - Trình bày được từ vựng, cấu trúc về chủ đề chính sách tiền lương, thưởng, tính thu nhập. - Hội thoại về các cách tăng lương và thu nhập hàng tháng. **Nội dung cụ thể:** 11.1. Get ready 11.2. Reading 11.3. Vocabulary 11.4. Listening 11.5. Speaking 11.6. Writing	3 (3LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giải thích từ vựng thuộc chủ đề chính sách tiền lương, thưởng, tính thu nhập. + Hướng dẫn sinh viên hội thoại về các cách tăng lương và thu nhập hàng tháng. + Giao bài tập cho cá nhân. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] trang 24-25. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1].	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
12	**Unit 12. Your job** **Mục tiêu bài:**	3 (3LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề.**	CĐR1.1, CĐR1.2,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	- Liệt kê từ vựng về chủ đề nghề nghiệp. - Trình bày được đặc điểm tính cách và các nghề nghiệp phù hợp theo tính cách. - Hội thoại trao đổi về nghề nghiệp phù hợp với các cá nhân khác nhau. **Nội dung cụ thể:** 12.1. Get ready 12.2. Reading 12.3. Vocabulary 12.4. Listening 12.5. Speaking 12.6. Writing		**- Giảng viên:** + Giải thích từ vựng thuộc chủ đề nghề nghiệp. + Hướng dẫn sinh viên hội thoại trao đổi về nghề nghiệp phù hợp với các cá nhân khác nhau. + Giao bài tập cho cá nhân. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] trang 26-27. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1].	CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
13	**Unit 13. Types of work** **Mục tiêu bài:** - Liệt kê từ vựng về chủ đề trách nhiệm, nghĩa vụ của công việc văn phòng. - Trình bày lịch trình làm việc, cách sắp xếp thời gian cho công việc. - Hội thoại trao đổi về các phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả. **Nội dung cụ thể:** 13.1. Get ready 13.2. Reading 13.3. Vocabulary 13.4. Listening 13.5. Speaking 13.6. Writing	3 (3LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giải thích từ vựng thuộc chủ đề trách nhiệm, nghĩa vụ của công việc văn phòng. + Hướng dẫn sinh viên hội thoại trao đổi về các phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả. + Giao bài tập cho cá nhân. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] trang 28-29. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
			cặp, nhóm trong [1].	
14	**Unit 14. Getting to work** **Mục tiêu bài:** - Trình bày từ vựng chủ đề phương tiện giao thông, cách di chuyển đến nơi làm việc. - Nghe, viết được về chuyến công tác. - Hội thoại về việc đi công tác hoặc làm việc từ xa. **Nội dung cụ thể:** 14.1. Get ready 14.2. Reading 14.3. Vocabulary 14.4. Listening 14.5. Speaking 14.6. Writing	3 (3LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giải thích từ vựng thuộc chủ đề phương tiện giao thông, cách di chuyển đến nơi làm việc. + Hướng dẫn sinh viên hội thoại về việc đi công tác hoặc làm việc từ xa. + Giao bài tập cho cá nhân. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] trang 30-31. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1].	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
15	**Unit 15. Skills and Qualifications** **Mục tiêu bài:** - Trình bày được các tiêu chí tuyển dụng tương ứng với các vị trí việc làm. - Thực hành với các cặp từ trái nghĩa. - Hội thoại đóng vai trong tình huống phỏng vấn xin việc. **Nội dung cụ thể:** 15.1. Get ready 15.2. Reading 15.3. Vocabulary 15.4. Listening 15.5. Speaking	3 (3LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giải thích từ vựng thuộc chủ đề các tiêu chí tuyển dụng tương ứng với các vị trí việc làm. + Hướng dẫn sinh viên hội thoại đóng vai trong tình huống phỏng vấn xin việc. + Giao bài tập cho cá nhân. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu:	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	15.6. Writing		[1] trang 32-33. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1].	

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên	Nguyễn Đăng Tiến	Trịnh Thị Chuyên